

Số: 226/2026/QĐST- HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 282/2026/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trịnh Văn S – Sinh năm 1980

Nơi thường trú: Số C T, phố H, phường Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Phạm Thị H – Sinh năm 1982

Nơi thường trú: Số C T, phố H, phường Q, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn S và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là xã V) tỉnh Thanh Hóa năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh S, chị H thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn S và chị Phạm Thị H.

[2]. Về con chung: Anh Trịnh Văn S và chị Phạm Thị H có 01 con chung là Trịnh Thị Phương L, sinh ngày 17/11/2011. Hai bên thống nhất thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Giao con chung là Trịnh Thị Phương L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (4 triệu đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu L thành niên. Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản và công nợ: Anh S, chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh S, chị H thỏa thuận, chị Hồng C toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/4/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn S và chị Phạm Thị H.

- Về con chung: Anh Trịnh Văn S và chị Phạm Thị H có 01 con chung là Trịnh Thị Phương L, sinh ngày 17/11/2011. Hai bên thống nhất thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Giao con chung là Trịnh Thị Phương L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (4 triệu đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu L thành niên.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

- Về tài sản và công nợ: Anh S, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Hồng chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002438 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND khu vực 1- Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Vĩnh Lộc, Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Huy